

Số: /KH-BCĐ

Thành phố Cao Bằng, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Kiểm tra liên ngành về An toàn, vệ sinh lao động trong dịp “Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động” năm 2022 trên địa bàn thành phố Cao Bằng

Thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng về việc tổ chức Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2022.

Ban chỉ đạo Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động thành phố xây dựng Kế hoạch kiểm tra liên ngành về An toàn, vệ sinh lao động cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, công tác về an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động tại các đơn vị, doanh nghiệp.

- Đôn đốc, nâng cao ý thức trách nhiệm người sử dụng lao động và người lao động trong việc thực hiện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Phát hiện những thiếu sót trong thực thi pháp luật lao động, kiến nghị các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, thiếu sót.

2. Yêu cầu

Kết quả kiểm tra phải phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, công tác về an toàn vệ sinh lao động và các chế độ chính sách đối với người lao động của các đơn vị, doanh nghiệp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật lao động.

II. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Đoàn kiểm tra Liên ngành

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 02 người (01 lãnh đạo làm Trưởng đoàn, 01 chuyên viên làm thư ký ghi biên bản).

- Bảo hiểm Xã hội tỉnh: 01 người.

- Liên đoàn Lao động thành phố: 01 người.

- Phòng Kinh tế: 01 người.

- Phòng Y tế: 01 người.

2. Đại diện doanh nghiệp: Giám đốc doanh nghiệp (hoặc người được Giám đốc ủy quyền bằng văn bản), cán bộ phụ trách công tác an toàn lao động, cán bộ phụ trách nhân sự, kế toán.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

Thông tin chung của doanh nghiệp; tình hình sản xuất kinh doanh; tình hình sử dụng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (tiền lương; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể); tình hình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND Thành phố Cao Bằng về việc tổ chức thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2022 (có Đề cương báo cáo kèm theo).

IV. THỜI ĐIỂM KIỂM TRA

Thời điểm báo cáo số liệu từ 01/01/2021 - 30/4/2022.

V. THỜI GIAN KIỂM TRA VÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

Đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra tại 04 đơn vị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Tên doanh nghiệp, địa chỉ	Thời gian kiểm tra	SĐT liên hệ
1	Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng (tổ 8, phường Ngọc Xuân, TPCB)	Sáng: 08h00 ngày 26/5/2022	
2	Công ty TNHH xây dựng Châu Hằng (tổ 11, phường Ngọc Xuân, TPCB)	Chiều: 14h00 ngày 26/5/2022	
3	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Tuyến Hà (tổ 5, phường Sông Hiến, TPCB)	Sáng: 08h00 ngày 27/5/2022	
4	Công ty TNHH Quang Minh (xóm Nam phong 2, xã Hưng Đạo, TPCB)	Chiều: 14h00 ngày 27/5/2022	

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị, doanh nghiệp căn cứ kế hoạch kiểm tra chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung đề cương gửi kèm và bố trí làm việc với Đoàn kiểm tra liên ngành đúng thành phần, thời gian quy định; cung cấp các tài liệu liên quan gồm:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh.
- Sổ quản lý lao động năm 2021, năm 2022; Danh sách lao động làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm kiểm tra.
- Hợp đồng lao động của người lao động.
- Danh sách lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
- Nội quy lao động; thoả ước lao động tập thể.
- Bảng thanh toán tiền lương năm 2021, quý I/2022.
- Kế hoạch tổ chức thực hiện Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2022; Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động của đơn vị.
- Phương án xử lý sự cố, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

- Sổ theo dõi cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- Danh sách lao động đã được huấn luyện ATVSLĐ năm 2021, 2022.
- Danh sách phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.
- Bảng thanh toán bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2021, 2022.
- Biên bản tự kiểm tra về công tác ATVSLĐ tại doanh nghiệp.
- Kết quả quan trắc môi trường lao động.
- Phiếu kết quả kiểm định máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.
- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (đối với lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng).
- Các hồ sơ tài liệu liên quan khác (Đoàn kiểm tra đề nghị cung cấp thêm nếu thấy cần thiết).

2. Các đơn vị thành viên BCD Tháng hành động về ATVSLĐ Thành phố cử cán bộ chuyên môn tham gia đoàn kiểm tra liên ngành và chịu trách nhiệm về nội dung kiểm tra theo chức năng nhiệm vụ của ngành quản lý; danh sách cán bộ tham gia đoàn kiểm tra gửi về Phòng Lao động - TBXH trước ngày 24/5/2022 (gồm họ, tên, chức danh, số điện thoại liên hệ).

Đúng **7h30 ngày 26/5/2022** tập trung tại Phòng Lao động- TBXH để cùng xuất phát đi kiểm tra tại các đơn vị, doanh nghiệp. Phương tiện đi kiểm tra, các thành viên trong đoàn tự bố trí.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm liên lạc và gửi kế hoạch kiểm tra liên ngành của thành phố đến từng doanh nghiệp và cử cán bộ tham gia đưa Đoàn kiểm tra làm việc với doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra liên ngành về An toàn, vệ sinh lao động trong dịp “Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động” năm 2022 của Ban chỉ đạo Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động thành phố. Đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp được kiểm tra tạo điều kiện, phối hợp để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH (B/c);
- Lãnh đạo UBND TP (Đ/c Đê - PCT);
- Bảo hiểm xã hội tỉnh CB;
- Các thành viên BCD Tháng ATVSLĐ;
- Các DN được kiểm tra;
- Thanh tra thành phố;
- Các thành viên Đoàn kiểm tra LN;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông TP;
- UBND xã, phường: HĐ, NX, SH;
- Lưu: VT, LĐTBXH (05b).

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TP CAO BẰNG
Vũ Văn Đệ

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và chế độ chính sách đối với người lao động

(Kèm theo kế hoạch số: /KH-BCĐ ngày tháng 5 năm 2022 của BCD Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động thành phố Cao Bằng)

1. Những vấn đề chung của Doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp, trụ sở chính của doanh nghiệp
- Loại hình doanh nghiệp, năm thành lập
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu
- Địa chỉ, số điện thoại; tài khoản giao dịch

2. Tình hình sản xuất kinh doanh (đánh giá tóm tắt những mặt đạt được và tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị doanh nghiệp).

3. Tình hình sử dụng lao động (số liệu tính từ ngày 01/01/2021 đến 30/4/2022).

3.1. Tổng số lao động đang làm việc tại doanh nghiệp người (danh sách lao động kèm theo), trong đó:

- Lao động là người Việt Nam người, trong đó lao động nữ người
- Lao động là người nước ngoài (nếu có) người, (danh sách lao động kèm theo) trong đó:

- + Số lao động thuộc đối tượng phải cấp giấy phép lao động người.
- + Số lao động đã được cấp giấy phép lao động: người.
- + Số lao động chưa được cấp giấy phép lao động: người (lý do).
- + Số lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động người.
- + Số lao động đã được xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động người.
- + Số lao động chưa làm thủ tục xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động người.

3.2. Hợp đồng lao động:

- Số lao động không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động người.
- Số lao động thuộc diện phải ký kết HĐLĐ người, trong đó:

+ Đã thực hiện ký kết HĐLĐ người, trong đó:

- HĐLĐ không xác định thời hạn người.
- HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng người.
- HĐLĐ theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng người.

+ Số lao động không ký kết hợp đồng lao động người (nêu lý do)

- Số lao động không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động người.

- Số lao động thuộc diện phải ký kết HĐLĐ người, trong đó:

+ Đã thực hiện ký kết HĐLĐ người, trong đó:

- HĐLĐ không xác định thời hạn người.

- HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng người.
- + Số lao động chưa ký kết hợp đồng lao động người (*nêu lý do*).

3.3. Lao động, việc làm

- Số lao động bị mất việc làm người
- Số lao động bị thiếu việc làm: người

3.4. Số lao động làm công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và công việc đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm người (*có danh sách kèm theo*)

3.5. Số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ..... người (*có danh sách kèm theo*).

4. Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động

4.1. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

4.2. Việc thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

4.3. Bảo hiểm xã hội (*số liệu tính tại thời điểm kiểm tra*).

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH:người
- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.....người, trong đó:
 - + Số người đã tham gia.....người
 - + Số người chưa tham gia BHXH bắt buộc..... người (*lý do*)
- Số tiền hiện còn nợ BHXH (*ghi rõ từ năm nào*).

4.4. Bảo hiểm thất nghiệp (*số liệu tính tại thời điểm kiểm tra*)

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia BHTN người
- Số người thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.....người, trong đó:
 - Số người đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp: người
 - Số người chưa tham gia bảo hiểm thất nghiệp: người (*lý do*)
- Số tiền hiện còn nợ BHTN (*ghi rõ từ năm nào*).

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức tiền lương tối thiểu doanh nghiệp áp dụng..... đồng/người/tháng
- Tiền lương thấp nhất:..... đồng/người/tháng
- Tiền lương cao nhất:.....đồng/người/tháng
- Tiền lương bình quân:đồng/người/tháng.

6. Xây dựng và đăng ký nội quy lao động của đơn vị với cơ quản lý nhà nước về lao động cấp huyện

7. Tình hình thành lập và hoạt động của tổ chức Công đoàn; xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp

8. Thực hiện công tác An toàn, vệ sinh lao động

8.1. Kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động an toàn vệ sinh lao động năm 2022 của đơn vị.

8.2. Việc xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm

- Việc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động:
 - + Số người sử dụng lao động và người lao động đã được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (*có danh sách kèm theo*).
 - + Số người chưa được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (*lý do*)
- Chăm sóc sức khỏe người lao động:
 - + Đối với lao động bình thường: số lao động đã được khám, số chưa được khám (*lý do*).
 - + Đối với lao động làm công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm: số lao động đã được khám, số chưa được khám (*lý do*).
- Trang bị phương tiện y tế (*tủ thuốc, túi thuốc cấp cứu*).
- Thực hiện chế độ tự kiểm tra về công tác ATVSLĐ tại đơn vị:
- Quan trắc môi trường lao động (*số lần quan trắc, số mẫu đạt tiêu chuẩn, số mẫu không đạt tiêu chuẩn*).
- Việc xây dựng các nội quy, quy trình vận hành các loại máy, thiết bị, và các biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc và môi trường xung quanh.

8.3. Việc xây dựng và thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện, môi trường làm việc; biện pháp xử lý chất thải, rác thải công nghiệp, khí thải.

8.4. Quản lý và sử dụng máy, thiết bị vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

- Tổng số thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLDthiết bị, trong đó:
 - + Số thiết bị đã khai báo sử dụng với Sở Lao động -TBXH thiết bị
 - + Số thiết bị kiểm định thiết bị
 - + Chưa kiểm định thiết bị
- Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (*nếu có*)

8.5. Điều tra, khai báo nạn lao động

- Tổng số vụ TNLD (*từ 01/01/2021 đến nay*), trong đó:
 - + Tai nạn nhẹ vụ người
 - + Tai nạn nặng vụ người
 - + Tai nạn chết người..... vụ người
- Số vụ TNLD đã được khai báo, điều tra; Số người bị TNLD đã được giám định sức khỏe; Số người bị TNLD đã được bố trí trở lại làm việc.

8.6. Thực hiện báo cáo định kỳ về sử dụng lao động, tai nạn lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động của đơn vị.

9. Khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động, đề xuất, kiến nghị